

Bản án số: 05/2022/HC-PT

Ngày: 21 - 12 - 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định

hành chính; Buộc công khai xin

lỗi; Bồi thường tổn thất tinh thần

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Minh Hồng.

*Các Thẩm phán:*

Ông Vũ Hà Nam

Ông Mai Anh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:***  
Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 05/2022/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 16-9-2022 của Toà án nhân dân huyện Trực Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa:

***- Người khởi kiện:*** Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1963; địa chỉ: 306 H, phường 1, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

***- Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Minh Kh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Phạm Ngọc T. Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định (Theo văn bản uỷ quyền ngày 16-6-2022).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: 306 H, phường 1, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Tại phiên tòa:** Ông Vũ Văn Th, ông Phạm Ngọc T có mặt. Bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08-6-2018, người khởi kiện là ông Vũ Văn Th trình bày: Năm 2014 khi các con được nghỉ hè “chúng tôi” có về quê, vợ ông là Nguyễn Thị T có rủ ông sang nhà ông Vũ Văn Ph vào buổi tối. Tại đây “chúng tôi” có làm giấy chứng nhận kết hôn vào buổi tối tại nhà ông Vũ Văn Ph. Ông Ph là bạn với ông từ nhỏ và làm cán bộ xã. Khi đó ông Ph có đưa sổ và mẫu giấy chứng nhận kết hôn cho “chúng tôi” ký khống, ngoài ra không có bất kỳ một đơn từ nào thêm nữa. Sau đó ông về, không nhận ngay giấy kết hôn, một thời gian sau ông Ph gửi cho “chúng tôi” qua đường bưu điện. Đây là lần đầu “chúng tôi” đăng ký kết hôn nhưng trên giấy chứng nhận kết hôn ghi đăng ký lần đầu 27/12/2004 và đăng ký lại 01/02/2010 và số 120/2004 quyền số 01/2004 là hoàn toàn không đúng, trái với quy định của pháp luật. Ông đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc UBND xã P phải thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận kết hôn số 120/2004 quyền số 01/2004 đã cấp cho “chúng tôi”. Theo nội dung đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Vũ Văn Th có quan điểm trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T không có quan hệ vợ chồng vì ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Ông và bà T chỉ là đồng hương (bà T là em gái của một người bạn). Ông có gặp và giúp đỡ bà T khi ở thành phố Hồ Chí Minh. Ông cho bà T nhập khẩu vào hộ khẩu của ông và chuyển vào sinh sống tại căn nhà thứ 2 của ông trong Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2014, bà T có rủ ông sang nhà ông Vũ Văn Ph là cán bộ tư pháp xã Ph. Trong tình trạng say rượu, ông Ph và bà T có đưa ông ký một số giấy tờ, sổ sách mà ông không rõ là gì. Năm 2017, bà T khởi kiện ly hôn ông tại Tòa án nhân dân quận G thì ông mới biết mình bị bà T và ông Ph lừa. Cuối năm 2017, Tòa án nhân dân quận G đã thụ lý vụ án ly hôn giữa ông và bà T nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết. Năm 2018, ông có văn bản khiếu nại đối với UBND xã P và UBND xã P cũng đã có văn bản trả lời khiếu nại của ông. Ông không có đăng ký hộ khẩu tại UBND xã P và không nộp hồ sơ đăng ký kết hôn vì từ năm 1982 ông không còn hộ khẩu tại xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Từ năm 1982, ông đi học trường Đại học Tài chính – Kế toán tại Phúc Yên, Mê Linh, Hà Nội nên ông phải chuyển hộ khẩu tới trường để được hưởng chế độ nhà nước. Năm 1987, ông được Bộ vật tư điều động ông vào làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh và Công an huyện Mê Linh đã chuyển hộ khẩu của ông vào Thành phố Hồ Chí Minh. Ông

không có hộ khẩu tại xã P nên muốn đăng ký kết hôn tại UBND xã P thì hồ sơ đăng ký kết hôn phải có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của cơ quan có thẩm quyền nơi ông cư trú là UBND phường 1, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, UBND phường 1, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận từ năm 2004 đến nay, ông không có làm giấy xác minh tình trạng hôn nhân. Ông không được cấp Giấy đăng ký kết hôn. Bà T có giữ 01 bản Giấy đăng ký kết hôn nhưng chữ ký của ông là giả mạo.

Về mối quan hệ với hai cháu Vũ Thao Trung D và Vũ Nguyễn Thiên Đ thì ông chưa xác định có quan hệ cha con về mặt pháp luật và về mặt khoa học đối với hai cháu. Trong hồ sơ đăng ký giấy khai sinh của hai cháu, UBND xã P tự ý điền tên ông trong mục người cha và mục người đi khai sinh. Ông xác định không ký và không thực hiện thủ tục khai sinh cho hai cháu. Ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh giải quyết những việc cụ thể như sau:

- Buộc UBND xã P phải thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận kết hôn số 120/2004 quyền số 01/2004; phải xoá tên ông trong sổ đăng ký kết hôn.

- Yêu cầu UBND xã P phải công khai xin lỗi ông tại trụ sở UBND xã P, thực hiện việc niêm yết nội dung xin lỗi tại trụ sở UBND xã P trong thời hạn 1 năm và đăng nội dung xin lỗi trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện Trục Ninh trong 03 kỳ liên tiếp.

- Buộc UBND xã P phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho ông với số tiền là 14.900.000 đồng.

\* Đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND xã P trình bày: UBND xã P đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc ông Vũ Văn Th có đơn khởi kiện đối với UBND xã P. UBND xã P không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Vũ Văn Th vì các lý do: UBND xã P xác nhận ông Vũ Văn Th và bà Nguyễn Thị T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Ông Th, bà T đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2004 do ông Vũ Xuân Nh ký, có đầy đủ chữ ký của bà T và ông Th. Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn tại quyền số số 01/2003-2004-2005 mở ngày 25/06/2003, khoá sổ ngày 24/02/2005. Số thứ tự đăng ký kết hôn của ông Th, bà T là số 120, trang 24 đăng ký ngày 27/12/2004 có nội dung: Họ và tên chồng Vũ Văn Th, sinh ngày 24/07/1963, quê quán thôn C, xã P. Họ và tên vợ: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 29/02/1972, quê quán: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Việc ông Vũ Văn Th trình bày bị lừa ký vào giấy tờ sổ sách tại nhà ông Vũ Văn Ph là không có căn cứ. Theo quy định thì cán bộ xã không được tự ý mang Sổ đăng ký kết hôn về nhà.

UBND xã P đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương bằng biện pháp lấy lời khai của bà Vũ Thị C, cụ Nguyễn Thị Ng, bà Vũ Thị H, ông Vũ Quảng Tr, ông Vũ Anh D cùng với sự có mặt của Bí thư chi bộ, trưởng xóm. Kết quả xác minh cho thấy, khi cụ Vũ Gia H (bố đẻ của ông Vũ Văn Th) chết thì gia đình ông

Th đã mang lễ trầu cau đến nhà bà T để xin phép cho bà T về chịu tang theo phong tục tập quán người Việt Nam. Vì vậy UBND xã P đề nghị Toà án xem xét cân nhắc nội dung này.

Về hộ khẩu thường trú của ông Th: Tại Sở đăng ký hộ khẩu thường trú (Mẫu NK3) của khu 1 thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định (được lập và sử dụng từ năm 1996) có vị trí số 62B phản ánh Vũ Văn Th, sinh năm 1963. Tại văn bản Phiếu báo cáo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (NK5) ngày 02/02/2007 do công an Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp từ tàng thư hồ sơ hộ khẩu hiện đang lưu trữ và sử dụng có phản ánh:

+ Mục nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

+ Mục số CMND số 161482282 cấp ngày 18/02/2005 tại Nam Định.

+ Mục ý kiến chủ hộ và người khai điều là do ông Vũ Văn Th ký và ghi rõ tên Vũ Văn Th.

Việc ông Vũ Văn Th được cấp lại CMND số 161482282 ngày 18/02/2005 trước đó đã được cấp 1 lần vào ngày 21/04/1982 theo quy định cấp CMND phải có sổ hộ khẩu (tức là đã được đăng ký hộ khẩu thường trú vào sổ quản lý hộ khẩu khu 1 C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định) từ trước ngày 18/02/2005.

Tại mục “Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú” trong bản sao phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu do Công an cung cấp thể hiện ở xã P, huyện T, tỉnh Nam Định là phù hợp với việc ông Vũ Văn Th đã được cấp lại CMND số 161482282. Về nội dung này, theo Nghị định số 51/CP ngày 10/05/1997 của chính phủ từ tháng 5 năm 1987 đến lúc ông Vũ Văn Th nhập khẩu trở lại xã P thì ông Vũ Văn Th không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú chỉ có tạm trú dài hạn (Đã chuyển đi từ huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội) nhưng không nhập khẩu đăng ký thường trú vào Thành phố Hồ Chí Minh được do không đủ điều kiện. Công an quận G cũng không cung cấp tài liệu thể hiện việc ông Th xin đăng ký tạm trú trở lại huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội hoặc ở nơi khác ngoài xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

\* Tại bản tự khai, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Th sống chung với nhau từ năm 2003 đến nay, có tổ chức báo hỷ tại nhà bố mẹ đẻ của bà. Lúc đó, địa chỉ hộ khẩu thường trú của bà tại thôn H, xã P, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Năm 2004, bà và ông Th tự nguyện đăng ký kết hôn, không bị ai ép buộc, việc đăng ký kết hôn được thực hiện theo quy định pháp luật. Ông bà có 02 con chung là D, sinh ngày 21/06/2004 và Vũ Nguyễn Thiên D, sinh ngày 30/01/2007. Ông Th chính là người đi đăng ký khai sinh cho 02 con chung tại UBND xã P. Tháng 5 năm 2008, ông Th làm thủ tục chuyển khẩu của bà và 02 con từ xã P, huyện T, tỉnh Nam Định để nhập vào hộ khẩu số 090069249 đến địa chỉ số: 78/777 N, phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do chuyển khẩu là bà chuyển khẩu theo chồng, con chuyển khẩu

theo bố mẹ đẻ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th, quan điểm của bà là ông bà đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và theo đúng quy định pháp luật tại UBND xã P. Ông bà đã chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay và có 02 con chung, bà không đồng ý việc ông Th yêu cầu huỷ Giấy đăng ký kết hôn.

\* Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 16-9-2022, Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 31; 116, 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Các Điều 11; 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Th đối với UBND xã P về việc: Buộc UBND xã P huyện T, tỉnh Nam Định phải xoá tên trong sổ đăng ký kết hôn; yêu cầu UBND xã P phải công khai xin lỗi tại trụ sở UBND xã P, thực hiện việc niêm yết nội dung xin lỗi tại trụ sở UBND xã P trong thời hạn 1 năm và đăng nội dung xin lỗi trên công thông tin điện tử của UBND huyện T trong 03 kỳ liên tiếp; buộc UBND xã P phải bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền là 14.900.000 đồng

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 16-9-2022, ông Vũ Văn Th kháng cáo đề nghị: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Th.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Vũ Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên nội dung kháng cáo

- Đại diện theo uỷ quyền của UBND xã P vẫn giữ nguyên quan điểm: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Thông qua kiểm sát việc giải quyết, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 55, 56, 57, 58 và 153 Luật tổ tụng hành chính.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, người khởi kiện có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký của ông Th trong Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn Th đăng ký ngày 27/12/2004 được

đăng ký lại ngày 01/01/2010 tại UBND xã P và chữ ký trong sổ đăng ký kết hôn quyền số 01/2003-2004-2005 mở ngày 25/6/2003 khóa sổ ngày 24/02/2005 của UBND xã P. Để việc giải quyết vụ án đảm bảo khách quan, toàn diện cần chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của ông Vũ Văn Th. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232 Luật tố tụng hành chính, đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa phúc thẩm hành chính ngày 21/12/2022.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

[2] Ông Vũ Văn Th khởi kiện cho rằng: Năm 2014 ông và vợ là Nguyễn Thị T có đến nhà ông Vũ Văn Ph vào buổi tối, ông có ký không vào sổ và mẫu giấy chứng nhận kết hôn sau đó ông Ph gửi Giấy chứng nhận kết hôn cho ông qua đường bưu điện. Đây là lần đầu ông và bà T đăng ký kết hôn nhưng trên Giấy chứng nhận kết hôn ghi đăng ký lần đầu ngày 27/12/2004 và đăng ký lại lần là ngày 01/02/2010 và số 120/2004 quyền số 01/2004 là không đúng, trái quy định của pháp luật. Ông đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc UBND xã P phải thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận kết hôn số 120/2004 quyền số 01/2004 đã cấp cho “chúng tôi”. Buộc UBND xã P phải xoá tên ông trong sổ đăng ký kết hôn; yêu cầu UBND xã P phải công khai xin lỗi ông tại trụ sở UBND xã P, thực hiện việc niêm yết nội dung xin lỗi tại trụ sở UBND xã P trong thời hạn 1 năm và đăng nội dung xin lỗi trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện Trực Ninh trong 03 kỳ liên tiếp và buộc UBND xã P phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho ông với số tiền là 14.900.000 đồng. Xét thấy, khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và thời hiệu theo quy định tại Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Vũ Văn Th đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ông Vũ Văn Th cho rằng ông không có đăng ký hộ khẩu tại UBND xã P, từ năm 1982 ông không còn hộ khẩu tại xã P, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Từ năm 1982, ông đi học trường Đại học Tài chính – Kế toán tại Phúc Yên, Mê Linh, Hà Nội nên ông phải chuyển hộ khẩu tới trường để được hưởng chế độ

nhà nước. Năm 1987, ông được Bộ vật tư điều động ông vào làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh và Công an huyện Mê Linh đã chuyển hộ khẩu của ông vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, tại Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú (Mẫu NK3) của khu 1 thôn Cự Trữ, xã P, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định (được lập và sử dụng từ năm 1996) thể hiện vị trí số 62B phản ánh Vũ Văn Th, sinh năm 1963. Tại mục “Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú” trong bản sao phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu do Công an quận G cung cấp thể hiện ở xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Theo Công văn số 1004/CAH- QLHC ngày 13/9/2022 của Công an huyện Trục Ninh cung cấp thông tin thể hiện nội dung:

- Qua kiểm tra tàng thư CMND tại Phòng Cảnh sát QLHC - TTXH Công an tỉnh Nam Định thấy: Tại tờ khai CMND ngày 21/4/1982 do ông Th tự viết làm thủ tục với các thông tin về nguyên quán và HKTT: Phương Định - Trục Ninh - Nam Định; họ và tên bố: Vũ Gia H; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N; đến ngày 05/5/1982 ông Th được cấp CMND số 161482282 mang tên Vũ Văn Th – SN 24/7/1963. Đến ngày 11/10/2004 ông Th có đơn xin cấp lại CMND, tại tờ khai ông Th tự viết với các thông tin nguyên quán và HKTT xã P, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định và đầy đủ họ, tên bố, mẹ và họ tên vợ là Nguyễn Thị T. Đến ngày 18/2/2005 ông Th được cấp lại CMND số 161482282. Như vậy, ông Th phải có hộ khẩu gia đình (tức đã được đăng ký HKTT lại vào khu 1, thôn C, xã P huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định) từ trước ngày 11/10/2004 mới được làm thủ tục cấp lại CMND số 161482282.

- Tại sổ ĐKHKTT (Mẫu NK3) của khu 1 thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định (được lập và sử dụng từ năm 1996) có vị trí số 62B phản ánh các nhân khẩu trong cùng hộ là Vũ Thao Trung D - SN 21/6/2002 – Nam; Nguyễn Thị Ng- SN 1927 - Nữ và Vũ Văn Th - SN 1963 - Nam.

- Các tài liệu do Công an Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp từ tàng thư hồ sơ hộ khẩu: Tại bản sao phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu (NK5) ngày 02/02/2007 và bản sao đề nghị xác nhận tình trạng nhà ở ngày 22/01/2007 đều phản ánh: Mục nơi ĐKHKTT: Phương Định - Trục Ninh - Nam Định; mục CMND số: 161482282 cấp ngày 18/02/2005 tại Nam Định; Mục ý kiến chủ hộ và người khai, người đề nghị đều là do ông Th ký và ghi rõ họ tên Vũ Văn Th. Quá trình làm việc với Công an huyện Trục Ninh, ông Th đã công nhận chữ viết trong Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu nói trên là do bản thân ông tự viết và chữ ký đúng là của ông.

Tại bản sao Bản khai nhân khẩu (Mẫu HK1) do Công an Quận G, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp từ tàng thư hồ sơ hộ khẩu hiện đang lưu trữ và sử dụng phản ánh: Họ và tên khai sinh: Vũ Văn Th – SN 24/7/1963; CMND số 161482282; Nguyên quán: Phương Định - Trục Ninh - Nam Định; Nơi ĐKHK thường trú:

Phuong Định - Trục Ninh - Nam Định; Chỗ ở hiện nay: 306 H, phường 1, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản sao Giấy đề nghị chứng nhận tạm trú ngày 26/02/2007 do ông Th tự viết, Công an quận G, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp từ tàng thư hồ sơ hộ khẩu hiện đang lưu trữ và sử dụng phản ánh: Họ và tên: Vũ Văn Th – SN 24/7/1963; CMND số 161482282; Nguyên quán và nơi ĐKKHKT đều là: Phuong Định - Trục Ninh - Nam Định; Nơi tạm trú: 306 H, phường 1, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thành phố tạm trú từ năm 1994 - 2007.

Tại bản sao Giấy đề nghị xác nhận tình trạng nhà ở ngày 22/01/2007 do ông Th tự viết được Công an Quận G, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp từ tàng thư hồ sơ hộ khẩu hiện đang lưu trữ và sử dụng phản ánh: Họ và tên: Vũ Văn Th – SN 24/7/1963; CMND số 161482282 cấp ngày 18/02/2005, nơi cấp: Nam Định; nguyên quán: Phuong Định - Trục Ninh - Nam Định; Địa chỉ nơi đã ĐKKHKT: xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Địa chỉ nơi đề nghị ĐKKHKT: Nhà số 78/777 Nguyễn Thượng Hiền, phường 1, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản sao Sổ hộ khẩu gia đình (Mẫu NK3a) số 090069249 do Công an quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp từ tàng thư hồ sơ hộ khẩu hiện đang lưu trữ và sử dụng đều phản ánh: Họ và tên chủ hộ: Vũ Văn Th – SN 24/7/1963, nguyên quán: Phuong Định - Trục Ninh - Nam Định; Chuyển đến ngày 20/3/2007. Nơi thường trú trước khi chuyển đến: Phuong Định, Trục Ninh, Nam Định.

Như vậy, việc ông Th cho rằng từ năm 1982 - 2007 ông không có HKTT tại xã P, huyện T, tỉnh Nam Định là không đúng. Nếu ông Vũ Văn Th không đăng ký thường trú ở xã P, huyện T, tỉnh Nam Định vào năm 2004 trở về trước thì ông Th không đủ điều kiện làm thủ tục cấp lại CMND, làm thủ tục đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh tại xã P và có đủ giấy tờ tùy thân hợp pháp để làm thủ tục theo Luật Cư trú năm 2006 thì ông Th không thể được Công an quận G, Thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục nhập khẩu đăng ký thường trú vào địa chỉ: 78/777 Nguyễn Thượng Hiền, phường 1, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

[3.2] Ông Th cho rằng ông bị ông Ph, bà T lừa ký vào giấy tờ sổ sách tại nhà ông Vũ Văn Ph nhưng không có căn cứ chứng minh việc ông bị lừa ký và ký vào giấy tờ hay sổ sách gì. Theo quy định thì cán bộ xã không được tự ý mang Sổ đăng ký kết hôn về nhà.

[3.3] Đối với yêu cầu buộc UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định phải thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2004, quyển số 01/2004 đã cấp của ông Vũ Văn Th. Ông Th cho rằng ông không nộp hồ sơ đăng ký kết hôn vì từ năm 1982 ông không còn hộ khẩu tại xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Ông và bà Nguyễn Thị T không phải là vợ chồng, ông chỉ giúp bà T để nhập khẩu vào địa chỉ nhà ông vì bà T là em của bạn ông. Năm 2017 bà T khởi kiện ly hôn ông tại TAND quận G thì ông mới biết mình bị bà T và ông Ph lừa.



Xét thấy, tại đơn khởi kiện đề ngày 08-6-2018, chính ông Vũ Văn Th cũng đã có quan điểm trình bày: Năm 2014 khi các con được nghỉ hè “chúng tôi” có về quê, vợ ông là Nguyễn Thị T có rủ ông sang nhà ông Vũ Văn Ph vào buổi tối. Tại đây “chúng tôi” có làm giấy chứng nhận kết hôn vào buổi tối tại nhà ông Vũ Văn Ph. Ông Ph là bạn với ông từ nhỏ và làm cán bộ xã. Khi đó ông Ph có đưa sổ và mẫu giấy chứng nhận kết hôn cho “chúng tôi” ký không, ngoài ra không có bất kỳ một đơn từ nào thêm nữa. Ông không được nhận ngay giấy kết hôn mà một thời gian sau ông Ph gửi cho “chúng tôi” qua đường bưu điện. Đây là lần đầu “chúng tôi” đăng ký kết hôn nhưng trên giấy chứng nhận kết hôn ghi đăng ký lần đầu 27/12/2004 và đăng ký lại 01/02/2010 và số 120/2004 quyền số 01/2004 là hoàn toàn không đúng.

Theo bản án số 620/2021/HNGĐ-ST ngày 29/6/2021 của TAND quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cũng thể hiện quan điểm của ông Th đó là: Ông rất yêu thương vợ con, luôn cố gắng làm tròn bổn phận của mình. Ông không đồng ý ly hôn, mong Tòa án giúp gia đình ông không tan vỡ và hạnh phúc, nếu bà T vẫn kiên quyết ly hôn thì ông không đồng ý giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông sẽ là người nuôi dưỡng các con.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2004, quyền số 01/2004 thể hiện ông Vũ Văn Th và bà Nguyễn Thị T đã làm thủ tục đăng ký tại UBND xã P ngày 27/12/2003 và đăng ký lại là ngày 01/2/2010 cũng tại UBND xã P, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Theo Biên bản xác minh ngày 11/7/2020 (BL 53- 54) cũng thể hiện quan điểm của cụ Nguyễn Thị Ng (mẹ đẻ ông Th), bà Vũ Thị C (chị ruột ông Th), bà Vũ Thị H (em dâu ông Th) và ông Vũ Quảng Tr (em trai ông Th) là những người thân thích, ruột thịt của ông Th thì họ cũng có quan điểm xác nhận khi cụ Vũ Gia H (là bố đẻ ông Th) mất năm 2003, khi đó gia đình có đại diện mang lễ sang xin bà T về làm dâu và chịu tang cụ Vũ Gia H.

Sổ đăng ký kết hôn tại quyền 01/2003-2004-2005 mở ngày 25/6/2003, khóa sổ ngày 24/02/2005 có số thứ tự đăng ký kết hôn của bà T, ông Th là số 120, trang 24 đăng ký ngày 27/12/2004; có chữ ký và ghi rõ họ tên cả hai vợ chồng.

Cũng tại Biên bản đối thoại ngày 04-7-2022, ông Vũ Văn Th cũng có ý kiến trình bày: “Tôi xác nhận chữ ký trong sổ đăng ký kết hôn là của tôi”; ông Th cho rằng vì lúc đó ông bị ông Ph, bà T lừa ký trong tình trạng say rượu. Tuy nhiên, ông Th lại không chứng minh được việc ông bị lừa ký trong tình trạng say rượu.

Mặt khác, tại Sổ hộ khẩu gia đình số 090069249 (BL 93) cũng thể hiện: Họ tên chủ hộ Vũ Văn Th, sinh ngày 24/7/1963; CMND 024717943; Quan hệ với chủ hộ: Vợ: Nguyễn Thị T, sinh ngày 29/02/1972; con Vũ Thao Trung D và Vũ Nguyễn Thiên Đ và chuyển đến từ ngày 20/3/2007.

Và cũng tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2018 của chính ông Th cũng có nội dung thể hiện: Ông nhận được Giấy chứng nhận kết hôn do ông Ph gửi qua đường bưu điện và theo như ông Th cung cấp có “dấu bưu điện ghi 10/11/2014 gửi tại bưu cục Liêm Hải số 425170 gửi báo phát ghi số”. Sổ hộ khẩu gia đình có địa chỉ: 78/777 Nguyễn Thượng Hiền, quận G, thành phố Hồ Chí Minh cũng thể hiện chuyển đến ngày 20/3/2007 có vợ là Nguyễn Thị T.

Như vậy, không có căn cứ về việc ông Th bị lừa ký không vào giấy tờ sổ sách gì đó; Sổ hộ khẩu từ năm 2007 đã thể hiện tại mục quan hệ với chủ hộ, vợ: Nguyễn Thị T, sinh ngày 29/02/1972 và 02 con; cũng theo ông Th thì ông nhận được Giấy chứng nhận kết hôn do ông Ph gửi qua đường bưu điện từ năm 2014; chính ông Th cũng xác nhận chữ ký trong sổ đăng ký kết hôn là của ông. Do vậy, yêu cầu buộc UBND xã P, huyện Trục Ninh thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận kết hôn số 120/2004, quyển số 01/2004 đã cấp của ông Vũ Văn Th là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của ông Vũ Văn Th: Buộc UBND xã P phải công khai xin lỗi ông tại trụ sở UBND xã P; thực hiện việc niêm yết nội dung xin lỗi tại trụ sở UBND xã P trong thời hạn 1 năm và đăng nội dung xin lỗi trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện Trục Ninh trong 03 kỳ liên tiếp; buộc UBND xã P phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho ông với số tiền là 14.900.000 đồng.

Xét thấy, những yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30 của Luật tố tụng hành chính, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Th là hoàn toàn có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, ông Th cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình.

[6] Quá trình giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th vẫn giữ quan điểm trình bày: Ông bị ông Ph bà T lừa ký vào giấy tờ sổ sách tại nhà ông Vũ Văn Ph trong khi ông bị say rượu nhưng không có căn cứ chứng minh việc ông bị lừa ký và ký vào giấy tờ hay sổ sách gì. Qua xác minh những người thân thích của ông Th; quan điểm của ông Th được thể hiện tại Bản án số 620/2021/HNGĐ-ST ngày 29/6/2021 của TAND quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng và có 02 con chung; và chính ông Th cũng cho rằng ông giúp bà T, cho bà T nhập khẩu vào hộ khẩu của ông và chuyển vào sinh sống tại căn nhà thứ 2 của ông; ông Th là người đăng ký khai sinh và đứng tên tại mục người cha cho hai cháu Vũ Thao Trung D, Vũ Nguyễn Thiên Đ. Cũng chính ông Th thừa nhận ông nhận được Giấy chứng nhận kết hôn do ông Ph gửi qua đường bưu điện, có dấu bưu điện ghi ngày

10/11/2014. Tại buổi đối thoại ngày 04/7/2022, ông Th cũng thừa nhận chữ ký trong sổ đăng ký kết hôn là của ông. Sổ hộ khẩu gia đình số 090069249 cũng thể hiện họ tên chủ hộ: Vũ Văn Th; quan hệ với chủ hộ: Vợ Nguyễn Thị T, sinh ngày 29/02/1972; con Vũ Thao Trung D và Vũ Nguyễn Thiên Đ. UBND xã P xác nhận ông Vũ Văn Th và bà Nguyễn Thị T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Ông Th, bà T đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2004, có đầy đủ chữ ký của bà T, ông Th.

Do vậy, tại phiên tòa phúc thẩm ông Vũ Văn Th yêu cầu giám định chữ ký của ông tại Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2004, quyển số 01/2004 do UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định cấp là không cần thiết nên không được chấp nhận. Đề nghị hoãn phiên tòa phúc thẩm của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232 Luật tố tụng hành chính cũng không được chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Văn Th phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 30, 31, 116, 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Các Điều 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Th về việc: Buộc UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định phải thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận kết hôn số 120/2004 quyển số 01/2004; phải xoá tên ông trong sổ đăng ký kết hôn; Yêu cầu UBND xã P phải công khai xin lỗi tại trụ sở UBND xã P, thực hiện việc niêm yết nội dung xin lỗi tại trụ sở UBND xã P trong thời hạn 1 năm và đăng nội dung xin lỗi trên công thông tin điện tử của UBND huyện T trong 03 kỳ liên tiếp; Buộc UBND xã P phải bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền là 14.900.000 đồng

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ Văn Th phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001988 ngày 03 tháng 06 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; ông Th đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Văn Th phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng ông Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002059 ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; ông Th đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND + VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TA huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Mai Thị Minh Hồng**